

Số: 143/KH-GDNN-GDTX1

Điện Biên Phủ, ngày 08 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH
Xây dựng số lượng người làm việc năm học 2025-2026

Thực hiện Công văn số 826/SGDDĐT-VP ngày 27/3/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc xây dựng kế hoạch số lượng người làm việc năm học 2025-2026, Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên 1 (sau đây gọi tắt là Trung tâm) xây dựng kế hoạch số lượng người làm việc cho năm học 2025-2026 với các nội dung cụ thể như sau:

1. Căn cứ pháp lý

Thông tư số 20/2023/TT-BGDĐT ngày 30/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số lượng người làm việc trong các cơ sở giáo dục phổ thông và các trường chuyên biệt công lập.

Thông tư số 05/2025/TT-BGDĐT ngày 07/3/2025 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định chế độ làm việc đối với giáo viên phổ thông, dự bị đại học.

Quyết định số 1263/QĐ-UBND ngày 24/6/2025 của UBND tỉnh Điện Biên về việc thành lập các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

Quyết định số 112/QĐ-SGDĐT ngày 07/3/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc giao người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2025.

Quyết định số 26/QĐ-SGDĐT ngày 12/01/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc giao chỉ tiêu hợp đồng lao động (hỗ trợ, phục vụ) theo Nghị định 111/2022/NĐ-CP trong cơ quan Văn phòng Sở và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2025.

Quyết định số 22/QĐ-SGDĐT ngày 10/01/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo năm học 2025-2026 đối với các trường Trung học phổ thông, Trung tâm GDTX tỉnh và các trung tâm GDNN-GDTX.

2. Căn cứ thực tiễn

Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026 của Trung tâm GDNN-GDTX 1, trong đó xác định rõ các mục tiêu, chỉ tiêu về quy mô tuyển sinh, đào tạo và phát triển đội ngũ.

Tình hình thực tế về cơ cấu tổ chức, đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên của Trung tâm sau khi thực hiện sáp nhập theo Quyết định số 1263/QĐ-UBND.

Bối cảnh Trung tâm là một đơn vị sự nghiệp công lập mới được thành lập, có chức năng kép, vừa thực hiện nhiệm vụ giáo dục thường xuyên (GDTX) cấp Trung học phổ thông (THPT), vừa đảm nhận nhiệm vụ giáo dục nghề nghiệp (GDNN) cho lao động trên địa bàn. Cơ cấu này đòi hỏi một kế hoạch nhân sự linh hoạt, vừa tuân thủ các định mức chung cho giáo dục phổ thông, vừa đáp ứng các yêu cầu đặc thù của đào tạo nghề.

3. Tình hình thực hiện và dự báo công tác tuyển sinh năm học 2025-2026

Căn cứ vào Kế hoạch năm học 2025-2026 đã được xây dựng, Trung tâm dự báo quy mô tuyển sinh và đào tạo trong năm học tới như sau:

- Đối với Giáo dục thường xuyên (GDTX) cấp THPT: Tổng quy mô: 24 lớp với khoảng 1.005 học viên. Phân bổ theo khối lớp:

- ✓ Khối 10: Tuyển mới 8 lớp với khoảng 364 học viên.
- ✓ Khối 11: Duy trì 10 lớp với khoảng 399 học viên.
- ✓ Khối 12: Duy trì 6 lớp với khoảng 266 học viên.

- Đối với Giáo dục nghề nghiệp (GDNN): Tổng quy mô: Phấn đấu đào tạo cho khoảng 1.890 học viên thông qua 54 lớp đào tạo nghề. Phân bổ theo trình độ:

- ✓ Đào tạo trình độ sơ cấp: 30 lớp với khoảng 1.050 học viên.
- ✓ Đào tạo thường xuyên (dưới 3 tháng): 24 lớp với khoảng 840 học viên.

4. Thuận lợi và khó khăn

- Thuận lợi: Việc sáp nhập các đơn vị đã tạo ra một Trung tâm có quy mô lớn hơn, nguồn lực tập trung hơn, có khả năng đáp ứng đa dạng nhu cầu học tập của người dân trên địa bàn, từ học văn hóa đến học nghề. Sự chỉ đạo sát sao của Lãnh đạo cùng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ Sở GD&ĐT là điều kiện quan trọng để Trung tâm hoàn thành nhiệm vụ.

- Khó khăn: Là đơn vị mới thành lập, cơ cấu tổ chức và nhân sự đang trong giai đoạn kiện toàn, ổn định. Đặc biệt, đội ngũ giáo viên dạy nghề còn thiếu về số lượng và chưa đồng bộ về cơ cấu ngành nghề, gây thách thức lớn trong việc thực hiện chỉ tiêu đào tạo nghề đã đề ra. Việc áp dụng các định mức nhân sự theo quy định chung cho các cơ sở giáo dục phổ thông đối với một mô hình đặc thù như Trung tâm GDNN-GDTX cũng là một khó khăn cần có sự hướng dẫn và vận dụng linh hoạt.

5. Kế hoạch phát triển quy mô lớp, học sinh, người làm việc năm học 2025-2026

Căn cứ vào dự báo quy mô tuyển sinh và các quy định về định mức số lượng người làm việc, Trung tâm xây dựng kế hoạch số lượng người làm việc năm học 2025-2026 chi tiết: (Biểu 01, 02, 03 kèm theo).

Trên đây là Xây dựng số lượng người làm việc năm học 2025-2026 của Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên 1. Trung tâm GDNN-GDTX 1 cam kết sẽ quản lý, sử dụng số lượng người làm việc được giao một cách hiệu quả nhất, phân đầu hoàn thành xuất sắc các nhiệm vụ được giao trong năm học 2025-2026./.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT;
- Lưu VT.

GIÁM ĐỐC



Phạm Thúy

Biểu 01:

KẾ HOẠCH
Phát triển quy mô lớp, học sinh, người làm việc năm học 2025-2026



I. QUY MÔ SỐ LỚP, SỐ HỌC SINH

TT	Khối lớp	Thực hiện năm học 2024-2025 (tính đến ngày 15/4/2025)			Dự báo năm học 2025-2026 (tại thời điểm tháng 10/2025)		
		Số lớp	Số học sinh	HS/lớp	Số lớp	Số học sinh	HS/lớp
1	Giáo dục thường xuyên cấp THPT						
	- Khối 10				8	364	45
	- Khối 11				10	399	40
	- Khối 12				6	266	44
2	Đào tạo nghề trình độ sơ cấp				30	1.050	35
3	Đào tạo nghề < 3 tháng (đào tạo thường xuyên)				24	840	35
4	Liên kết đào tạo đại học, vừa làm vừa học				8	600	75
Tổng cộng:					86	3.495	40

Ghi chú: Năm học 2024-2025 không có dữ liệu do Trung tâm mới được thành lập từ 01/7/2025. Số liệu chưa bao gồm loại hình tiếng Anh mở tại các trường mầm non, tiểu học.

II. SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC

TT	Vị trí việc làm	Số lượng hiện có (tính đến 15/4/2025)	Năm học 2025-2026	
			SL cần	Bổ sung
1	Ban Giám đốc	9	3	0
	- Giám đốc	1	1	
	- Phó Giám đốc	8	2	

TT	Vị trí việc làm	Số lượng hiện có (tính đến 15/4/2025)		Năm học 2025-2026	
				SL cần	Bổ sung
2	Giáo viên	THCS	THPT		
	Giáo viên GDTX		44	51	07
	- Ngữ văn		6	8	2 ¹
	- Lịch sử		2	4	2 ²
	- Địa lý		4	4	
	- Toán		5	7	2 ³
	- Vật lý		3	3	
	- Hóa học		5	5	
	- Sinh học		4	4	
	- Tiếng Anh		7	7	
	- Tin học		5	5	
	- Âm nhạc		1	1	
	- Tiếng Lào		1	1	
	- Tiếng Việt		1	1	
	- Giáo dục KT&PL		0	1	1 ⁴
	Giáo viên GDNN		6	6	
	- Chăn nuôi		2	2	
	- Nông học/Trồng trọt		3	3	
	- Xây dựng		1	1	
3	Phục vụ giảng dạy				
	- Thư viện				
4	Nhân viên		15	15	0
	<i>Phục vụ giảng dạy</i>		3	3	
	- Cán bộ Thư viện		1	1	
	- Cán bộ Thiết bị, Thí nghiệm		2	2	

¹ Môn Ngữ văn: Đề nghị Sở GD&ĐT tăng cường 02 giáo viên (01 tại Trụ sở chính và 01 tại cơ sở xã Na Son);

² Môn Lịch sử: Đề nghị Sở GD&ĐT tăng cường 02 giáo viên theo hình thức biệt phát 50-50 (01 tại Trụ sở chính và 01 tại cơ sở xã Na Son);

³ Môn Toán: Đề nghị Sở GD&ĐT tăng cường 02 giáo viên (01 tại Trụ sở chính và 01 tại cơ sở xã Na Son);

⁴ Môn Giáo dục KT&PL: Đề nghị Sở GD&ĐT tăng cường 01 giáo viên tại Trụ sở chính.



TT	Vị trí việc làm	Số lượng hiện có (tính đến 15/4/2025)		Năm học 2025-2026	
				SL cần	Bổ sung
	Hành chính, phục vụ		12	12	
	- Kế toán		4	4	
	- Văn thư - Thủ quỹ		1	1	
	- Y tế		1	1	
	- Bảo vệ		5	5	
	- Khác		1	1	
	TỔNG CỘNG		74		

III. TỔNG HỢP NHU CẦU NGƯỜI LÀM VIỆC

Chức danh	Số lượng hiện có	Năm học 2025-2026	
		SL cần	Bổ sung
1. Ban Giám đốc	9	3	0
2. Giáo viên giảng dạy	50	57	07 ⁵
3. Phục vụ giảng dạy	3	3	0
4. Nhân viên	12	12	0
Tổng:	74	74	0

IV. CƠ CẤU TỔ CHỨC CÁC TỔ CHUYÊN MÔN, NGHIỆP VỤ

Căn cứ Quyết định số 72/QĐ-GDNN-GDTX1 ngày 07/8/2025, Trung tâm đã thành lập 4 tổ chuyên môn, nghiệp vụ để triển khai nhiệm vụ. Cơ cấu này được xây dựng theo hướng tinh gọn, hiệu quả, đảm bảo bao quát toàn bộ các mảng công tác của đơn vị.

STT	Tên tổ	Số lượng người làm việc	Số lượng cấp phó	Ghi chú
1	Tổ Giáo dục thường xuyên	25	2	Phụ trách giảng dạy chương trình GDTX cấp THPT.

⁵ Do đặc thù hoạt động, Trung tâm GDNN-GDTX 1 còn có các loại hình đào tạo, bồi dưỡng chưa tính ở đây, do vậy so với khối lượng công nhiệm với chức năng, nhiệm vụ được giao là cần bổ sung thêm giáo viên. Cụ thể xin biệt phái:

1. Môn Ngữ văn: Tăng cường 02 giáo viên (01 tại Trụ sở chính và 01 tại cơ sở xã Na Son);
2. Môn Lịch sử: Tăng cường 02 giáo viên theo hình thức biệt phái 50-50 (01 tại Trụ sở chính và 01 tại cơ sở xã Na Son);
3. Môn Toán: Tăng cường 02 giáo viên (01 tại Trụ sở chính và 01 tại cơ sở xã Na Son);
4. Môn Giáo dục KT&PL: Tăng cường 01 giáo viên tại Trụ sở chính.



2	Tổ Giáo dục nghề nghiệp	12	2	Phụ trách công tác đào tạo nghề.
3	Tổ Đào tạo, Bồi dưỡng và Hợp tác quốc tế	14	2	Phụ trách các lớp liên kết, bồi dưỡng và hợp tác quốc tế.
4	Tổ Hành chính - Tổng hợp	14	2	Phụ trách công tác hành chính, tài vụ, quản trị.

Ghi chú: Số lượng người làm việc trong các tổ được thống kê theo danh sách ban hành kèm Quyết định số 72/QĐ-GDNN-GDTX1, không bao gồm Ban Giám đốc.

Biểu 02:

DANH SÁCH NGƯỜI LÀM VIỆC TẠI ĐƠN VỊ
(Tính đến ngày 08/9/2025)

(Kèm theo Kế hoạch số 43/KH-GDNN-GDTX1 ngày 8/9/2025
của Trung tâm GDNN-GDTX 1)



I. Lãnh đạo đơn vị (tổng số: 9)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Chức vụ hiện tại	Ghi chú
1	Phạm Thúy	27/12/1975	Thạc sĩ	Quản lý thông tin	Giám đốc	
2	Phạm Văn Cường	14/07/1978	Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	Phó Giám đốc	
3	Phạm Thị Duyên	07/10/1977	Thạc sĩ	Ngữ văn	Phó Giám đốc	
4	Phan Bá Hải	17/03/1984	Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	Phó Giám đốc	
5	Vũ Minh Sơn	20/08/1984	Thạc sĩ	Quản lý kinh tế	Phó Giám đốc	
6	Phạm Văn Huân	15/03/1974	Đại học	Toán	Phó Giám đốc	
7	Trần Ninh Nam	27/12/1977	Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	Phó Giám đốc	
8	Nguyễn Thị Thanh Hưng	23/05/1981	Thạc sĩ	Quản lý giáo dục	Phó Giám đốc	
9	Nguyễn Trung Dũng	24/12/1977	Đại học	Quản lý kinh tế	Phó Giám đốc	

II. Giáo viên (tổng số: 50)

Môn dạy	STT	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Ghi chú
Ngữ văn	1	Nguyễn Thị Thúy Nga	01/07/1978	Đại học	Ngữ văn	Tổ phó
	2	Nguyễn Thị Chiêm	26/03/1989	Đại học	Ngữ văn	
	3	Đặng Thị Xuân	26/01/1977	Thạc sĩ	Ngữ văn	
	4	Nguyễn Thị Mai Thịnh	21/12/1977	Thạc sĩ	Ngữ văn	
	5	Mai Lan Phương	04/07/1984	Đại học	Ngữ văn	
	6	Phùng Thị Lê	26/10/1989	Đại học	Ngữ văn	Tổ phó
Lịch sử	7	Diêm Thị Hồng Nhung	29/03/1981	Thạc sĩ	Sử	



Môn dạy	STT	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Ghi chú
	8	Phan Thị Thuý Mai	16/03/1986	Đại học	Sử	
Địa lý	9	Nguyễn Thị Ngọc Hoa	20/09/1983	Đại học	Địa lý	
	10	Trần Thị Lương	04/07/1985	Đại học	Địa lý	
	11	Nghiêm Xuân Hà	10/07/1982	Đại học	Địa lý	
	12	Nguyễn Thị Thuý	05/04/1989	Đại học	Địa lý	Dạy nghề
Toán	13	Nguyễn Thị Mơ	11/03/1980	Thạc sĩ	Toán	
	14	Mai Thị Phương	04/05/1987	Đại học	Toán	
	15	Nguyễn Thùy Dương	15/07/1985	Thạc sĩ	Toán	
	16	Hà Thị Hồng Điệp	24/03/1986	Đại học	Toán	
	17	Cà Văn Thu	01/09/1984	Đại học	Toán	Tổ phó
Vật lý	18	Lưu Văn Sơn	14/11/1977	Thạc sĩ	Vật lý	Tổ phó
	19	Lò Thị Sơ	14/12/1991	Đại học	Vật lý	
	20	Nguyễn Cao Thắng	07/05/1984	Thạc sĩ	Vật lý	
Hóa học	21	Phạm Thị Hải Yến	09/11/1988	Đại học	Hóa học	
	22	Đỗ Thị Thu Trang	08/01/1987	Thạc sĩ	Hóa học	
	23	Mai Thị Vân Anh	12/06/1986	Đại học	Hóa học	
	24	Lường Ngọc Ánh	09/05/1994	Đại học	Hóa học	Tập sự
	25	Bùi Tuấn Anh	17/03/1982	Đại học	Hóa học	
Sinh học	26	Đỗ Ngọc Quý	26/12/1973	Đại học	Sinh học	
	27	Vũ Thị Nhân	20/10/1984	Thạc sĩ	Sinh học	
	28	Đỗ Thị Kim Oanh	04/11/1988	Đại học	Sinh học	
	29	Vừ Thị Hà	09/12/1983	Đại học	Sinh học	
Tiếng Anh	30	Phạm Thiên Vương	01/04/1976	Thạc sĩ	QLGD; ĐH Tiếng Anh	Tổ phó
	31	Đỗ Thị Nhung	29/06/1988	Đại học	Sư phạm tiếng Anh	
	32	Nguyễn Thị Hương	02/09/1989	Đại học	Sư phạm tiếng Anh	
	33	Trần Thị Hồng Nhung	26/11/1993	Đại học	Sư phạm tiếng Anh	
	34	Nguyễn Thị Thanh Tâm	19/09/1993	Đại học	Sư phạm tiếng Anh	



Môn dạy	STT	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành	Ghi chú
	35	Trần Thị Minh Châu	15/04/1990	Đại học	Ngôn ngữ Anh	
	36	Phạm Thị Khánh	08/01/1979	Thạc sĩ	Tiếng Anh	
Tin học	37	Nguyễn Quang Vinh	15/03/1974	Đại học	Tin học	
	38	Nguyễn Mạnh Tuấn	20/04/1986	Thạc sĩ	Công nghệ thông tin	
	39	Trịnh Thanh Huyền	18/10/1985	Đại học	Sư phạm Tin học	
	40	Phạm Thị Thi	02/08/1986	Đại học	Sư phạm Tin học	
	41	Nguyễn Công Duy	28/05/1987	Đại học	Công nghệ thông tin	
Tiếng Lào	42	Quảng Thị Kiêm	29/01/1989	Đại học	Sư phạm tiếng Lào	
Âm nhạc	43	Vũ Quốc Trưởng	08/04/1979	Thạc sĩ	QLGD, ĐH Âm nhạc	Tổ phó
Tiểu học	44	Chu Thị Phương	01/04/1978	Đại học	Tiểu học	
GDNN	45	Vàng A Mua	02/05/1983	Đại học	Xây dựng	Tổ phó
	46	Nguyễn Thị Tâm	09/10/1982	Thạc sĩ	Sinh học	Tổ phó
	47	Lường Thị Thảo	11/01/1995	Đại học	Nghề, Nông học	
	48	Vàng A Dua	04/04/1984	Đại học	ĐH Lâm sinh	
	49	Lò Văn Bình	10/03/1982	Đại học	ĐH SP Toán	Dạy nghề Chăn nuôi
	50	Lò Thị Thành	08/07/1990	Đại học	ĐH Nông học	

Một số giáo viên có chuyên môn GDTX nhưng tham gia dạy nghề đã được ghi chú.

III. Nhân viên phục vụ giảng dạy (tổng số: 3)



STT	Họ và tên	Ngày sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Công việc hiện nay	Ghi chú
1	Trần Thị Kim	13/10/1973	Trung cấp	Thư viện	Nhân viên Thư viện	
2	Lê Thị Hoài Anh	23/03/1987	Đại học	Thiết bị	Nhân viên Thiết bị	
3	Hoàng Thị Ngọc	22/03/1986	Đại học	Toán	Nhân viên Thiết bị	

IV. Nhân viên hành chính (tổng số: 12)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Trình độ chuyên môn	Chuyên ngành đào tạo	Công việc hiện nay	Ghi chú
1	Bùi Thế Anh	13/01/1982	Đại học	Kế toán	Kế toán	
2	Nguyễn Thu Hiền	31/12/1995	Đại học	Kế toán	Kế toán	
3	Nguyễn Thị Hường	11/03/1989	Trung cấp	Kế toán	Kế toán	
4	Phạm Thị Dung	26/06/1974	Đại học	Tài chính	Kế toán	
5	Đào Thu Mai	20/08/1984	Đại học	Luật Tổng hợp	Thủ quỹ	
6	Lò Thị Phương Loan	09/07/1983	Trung cấp	Y tế	Y tế	
7	Vũ Duy Trường	03/02/1984	Thạc sĩ	Xây dựng	Biệt phái Sở GD&ĐT	
8	Đặng Đình Quân	08/08/1979	Trung cấp		Bảo vệ	
9	Nguyễn Ngọc Châu		Trình độ khác		Bảo vệ	
10	Nguyễn Quang Vinh	24/05/1971	Chưa qua đào tạo		Bảo vệ	
11	Trần Văn Long	20/07/1999	Chưa qua đào tạo		Bảo vệ	
12	Chá A Và	01/12/1989	Trung cấp	CNTT	Bảo vệ	

Biểu 03:**BIỂU THUYẾT MINH BIÊN CHẾ GIÁO VIÊN NĂM HỌC 2025-2026****I. Công tác giảng dạy (Chương trình GDTX cấp THPT)**

Việc tính toán số lượng giáo viên cần có dựa trên Kế hoạch giáo dục Chương trình GDTX cấp THPT (ban hành kèm Thông tư số 12/2022/TT-BGDĐT), quy mô 24 lớp của Trung tâm và định mức 17 tiết/tuần đối với giáo viên THPT.

STT	Môn dạy	Số tiết/tuần	Số tiết kiêm nhiệm	Số giáo viên cần có = Tổng số tiết/định mức	Số giáo viên hiện có	Nhu cầu bổ sung	Đề xuất, kiến nghị
1	Ngữ văn	$3 \times 24 = 72$	12	$(72+12)/17 \approx 4.94 \rightarrow 5$	6	-1	Thiếu 2 ⁶
2	Lịch sử	$1.5 \times 24 = 36$	3	$(36+3)/17 \approx 2.29 \rightarrow 3$	2	1	Thiếu 2 ⁷
3	Toán	$3 \times 24 = 72$	15	$(72+15)/17 \approx 5.11 \rightarrow 6$	5	1	Thiếu 2 ⁸
4	Địa lý	$2 \times 24 = 48$	3	$(48+3)/17 \approx 3.0 \rightarrow 3$	4	-1	
5	Giáo dục KT&PL	$2 \times 24 = 48$	0	$48/17 \approx 2.82 \rightarrow 3$	0	3	Thiếu 1 ⁹
6	Vật lý	$2 \times 24 = 48$	3	$(48+3)/17 \approx 3.0 \rightarrow 3$	3	0	
7	Hóa học	$2 \times 24 = 48$	0	$48/17 \approx 2.82 \rightarrow 3$	5	-2	
8	Sinh học	$2 \times 24 = 48$	3	$(48+3)/17 \approx 3.0 \rightarrow 3$	4	-1	
9	Tin học	$2 \times 24 = 48$	3	$(48+3)/17 \approx 3.0 \rightarrow 3$	5	-2	
10	Ngoại ngữ	$3 \times 24 = 72$	3	$(72+3)/17 \approx 4.41 \rightarrow 5$	7	-2	
11	HĐTN, HN	$3 \times 24 = 72$	96	$72/17 \approx 4.23 \rightarrow 5$	GVCN	0	
Tổng cộng:		588	141	42	41		

Ghi chú:

- Số tiết/tuần được tính bằng (Tổng số tiết/năm học theo chương trình) / 35 tuần, sau đó nhân với tổng số lớp (24 lớp). Ví dụ môn Văn: $(105 \text{ tiết/năm} / 35 \text{ tuần}) \times 24 \text{ lớp} = 72 \text{ tiết/tuần}$.

- Số giáo viên hiện có là số giáo viên thực dạy, không tính Ban Giám đốc và nhân viên hành chính có chuyên môn tương ứng.

⁶ Môn Ngữ văn: Trường CD Điện Biên hỗ trợ, đề nghị Sở GD&ĐT tăng cường 02 giáo viên (01 tại Trụ sở chính và 01 tại cơ sở xã Na Son);

⁷ Môn Lịch sử: Trường CD Điện Biên hỗ trợ, đề nghị Sở GD&ĐT tăng cường 02 giáo viên theo hình thức biệt phát 50-50 (01 tại Trụ sở chính và 01 tại cơ sở xã Na Son);

⁸ Môn Toán: Trường CD Điện Biên hỗ trợ, đề nghị Sở GD&ĐT tăng cường 02 giáo viên (01 tại Trụ sở chính và 01 tại cơ sở xã Na Son);

⁹ Môn Giáo dục KT&PL: Trường CD Điện Biên hỗ trợ, đề nghị Sở GD&ĐT tăng cường 01 giáo viên tại Trụ sở chính.



Môn Giáo dục Kinh tế & Pháp luật hiện chưa có giáo viên, cần bổ sung. Hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp (HĐTN, HN) do giáo viên chủ nhiệm đảm nhiệm. Số tiết kiêm nhiệm của giáo viên chủ nhiệm đã được tính riêng ở mục II.

- Như hiện tại số giáo viên GDTX có phân dôi dư, Trung tâm lại thiếu giáo viên ở những môn học cốt lõi như Giáo dục Kinh tế & Pháp luật và có sự mất cân đối lớn ở các môn khác. Do đặc thù hoạt động, Trung tâm GDNN-GDTX 1 còn có các loại hình đào tạo, bồi dưỡng chưa tính ở đây, do vậy so với khối lượng công nhiệm với chức năng, nhiệm vụ được giao là cần bổ sung thêm giáo viên.

II. Công tác kiêm nhiệm của giáo viên (không tính nhân viên)

Số tiết quy đổi từ các công tác kiêm nhiệm làm tăng nhu cầu giáo viên để đảm bảo công tác giảng dạy.

TT	Loại hình kiêm nhiệm	Số lượng người	Số tiết giảm/người	Tổng số tiết kiêm nhiệm
1	Bí thư/Phó Bí thư Chi bộ	2	2	4
2	Chủ tịch Công đoàn	1	6	6
3	Bí thư Đoàn trường	1	2	2
4	Tổ phó chuyên môn	8	3	24
5	Chủ nhiệm lớp	24	4	96
	Tổng:			132
	Giáo viên quy đổi	= Tổng/17 tiết	132/17≈7.76	

- Tổng số tiết kiêm nhiệm là 132 tiết/tuần, tương đương với nhu cầu cần thêm 8 giáo viên để bù đắp cho khối lượng công việc này.

- Tổng hợp nhu cầu giáo viên GDTX:

+ Số giáo viên cần cho giảng dạy trực tiếp (làm tròn): 42 người.

+ Số giáo viên quy đổi từ công tác kiêm nhiệm: 8 người.

+ Tổng số giáo viên GDTX cần có: 50 người.

+ Số giáo viên GDTX hiện có (*thực dạy*): 41/50 người (*trừ 9 giáo viên tiếng Lào, giáo viên Âm nhạc, Tiểu học và giáo viên giáo dục nghề nghiệp*).

Về tổng thể, số lượng giáo viên GDTX hiện có đáp ứng được nhu cầu, nhưng có sự mất cân đối nghiêm trọng về cơ cấu môn học. Cần bổ sung 3 giáo viên Giáo dục Kinh tế & Pháp luật và có phương án sắp xếp, bồi dưỡng lại đối với các giáo viên đang dôi dư ở các môn khác.